

**CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN VT STAR**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN VT STAR

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VT STAR COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: VT STAR CO.,LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108144776

**3. Ngày thành lập:** 25/01/2018

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 14, tổ 9, Phường Phúc Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0936203666

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                               | Mã ngành    |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                                                                                                      | 4649        |
| 2.  | Bán buôn gạo                                                                                                                                                            | 4631        |
| 3.  | Bán buôn đồ uống                                                                                                                                                        | 4633        |
| 4.  | Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép                                                                                                                                    | 4641        |
| 5.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                                                         | 4659        |
| 6.  | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                          | 4723        |
| 7.  | Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc lào trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                     | 4724        |
| 8.  | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                  | 4741        |
| 9.  | Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                               | 4742        |
| 10. | Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                         | 4751        |
| 11. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                    | 4752        |
| 12. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh | 4759        |
| 13. | Xây dựng nhà các loại                                                                                                                                                   | 4100        |
| 14. | Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa                                                                                                                                     | 5022        |
| 15. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải                                                                                                                     | 5229(Chính) |
| 16. | Bán buôn tổng hợp                                                                                                                                                       | 4690        |
| 17. | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                                                      | 4632        |
| 18. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                    | 4711        |
| 19. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                        | 4722        |

|     |                                                                                                                                     |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 20. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác                                                                                 | 7730 |
| 21. | Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch                                                                        | 7920 |
| 22. | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác                                                                  | 4530 |
| 23. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không                                                                           | 5223 |
| 24. | Bốc xếp hàng hóa                                                                                                                    | 5224 |
| 25. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                                    | 5610 |
| 26. | Cho thuê xe có động cơ                                                                                                              | 7710 |
| 27. | Điều hành tua du lịch                                                                                                               | 7912 |
| 28. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                                                              | 4653 |
| 29. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                             | 4663 |
| 30. | Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                   | 4721 |
| 31. | Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh                                         | 4753 |
| 32. | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh                                                    | 4771 |
| 33. | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh                                             | 4772 |
| 34. | Vận tải hành khách đường bộ khác                                                                                                    | 4932 |
| 35. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                      | 4933 |
| 36. | Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp                                                                                                             | 8110 |
| 37. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh | 8299 |
| 38. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                          | 4290 |
| 39. | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                                  | 4719 |
| 40. | Dịch vụ đóng gói                                                                                                                    | 8292 |
| 41. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                 | 4651 |
| 42. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                  | 4652 |
| 43. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu                                                                                   | 4669 |
| 44. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy                                                                           | 5222 |
| 45. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                                                         | 5210 |
| 46. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ                                                                | 5221 |
| 47. | Dịch vụ hỗ trợ giáo dục                                                                                                             | 8560 |

**6. Vốn điều lệ:** 1.000.000.000 VNĐ

## 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: PHẠM THỊ THANH VÂN

Giới tính: Nữ

Sinh ngày: 04/04/1988 Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 164356747

Ngày cấp: 22/09/2005 Nơi cấp: Công an tỉnh Ninh Bình

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm Thượng Trại, Xã Yên Phong, Huyện Yên Mô, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Phòng 1208 CT3 khu đô thị Dream Town, tổ dân phố số 6, Phường Tây Mỗ, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: PHẠM THỊ THANH VÂN

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 04/04/1988 Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 164356747

Ngày cấp: 22/09/2005 Nơi cấp: Công an tỉnh Ninh Bình

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm Thượng Trại, Xã Yên Phong, Huyện Yên Mô, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Phòng 1208 CT3 khu đô thị Dream Town, tổ dân phố số 6, Phường Tây Mỗ, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội